

Số: *3731* /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày *07* tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi,  
chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1678/TTr-SKHĐT-TT ngày 16/11/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 172 thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Chi tiết, có Phụ lục I đính kèm.

**Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

1. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị công khai thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa của đơn vị và tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định.

2. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm cập nhật công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và chuyên trang cải cách thủ tục hành chính của UBND tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác.

**Điều 3.** Quyết định này thay thế các Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc

công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mới, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Chi tiết, có Phụ lục II đính kèm.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *flm*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT. KSTTHC. *đ*



**Nguyễn Dương Thái**



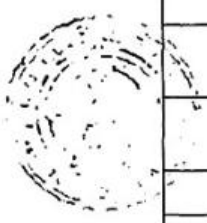
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG  
QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

*(Kèm theo Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 07/12/2017  
của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)*

**Phần I  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC CƠ QUAN CẤP TỈNH**

TT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
<b>I.1</b>	<b>LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP</b>		
1.	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Phòng Đăng ký kinh doanh	
2.	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên		
3.	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên		
4.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần		
5.	Đăng ký thành lập công ty hợp danh		
6.	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		
7.	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		

8.	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh		
9.	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần		
10.	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		
11.	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên		
12.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức		
13.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước		
14.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế		
15.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên		
16.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp		
17.	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích		
18.	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác		
19.	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		

20.	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân		
21.	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần		
22.	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết		
23.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế		
24.	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		
25.	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		
26.	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		
27.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		
28.	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		
29.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)		
30.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động		
31.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công		

	ty cổ phần, công ty hợp danh)		
32.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)		
33.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		
34.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)		
35.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)		
36.	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng		
37.	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)		
38.	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân		
39.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp		
40.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp		
41.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp		
42.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp		

43.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp		
44.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp		
45.	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)		
46.	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)		
47.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần		
48.	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên		
49.	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên		
50.	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn		
51.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh		
52.	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo		
53.	Giải thể doanh nghiệp		
54.	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án		
55.	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh		
56.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		
57.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế		
58.	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp		

59.	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp		
60.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương		
61.	Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)		
62.	Thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài		
<b>I.2</b>	<b>Lĩnh vực thành lập và hoạt động đối với Liên hiệp hợp tác xã</b>		
63.	Đăng ký liên hiệp hợp tác xã		
64.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã		
65.	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã		
66.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia		
67.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách		
68.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất		
69.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập		
70.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)		
71.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)		
72.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)		



73.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	
74.	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (Đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	
75.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
76.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	
77.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	
78.	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
79.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
80.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã)	
81.	Thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã	
I.3	<b>Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội</b>	
82.	Thông báo cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	
83.	Thông báo thay đổi nội dung cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	
84.	Thông báo chấm dứt cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	
85.	Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ	
86.	Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ	
87.	Thủ tục cung cấp thông tin, bản sao Báo cáo đánh giá tác động xã hội và Văn bản tiếp	

	nhận viện trợ, tài trợ.		
88.	Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành Doanh nghiệp xã hội		
<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM</b>		
	<b>Mục 1. Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>		
89.	Thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- UBND tỉnh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	
90.	Thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)		
91.	Thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)		
92.	Thủ tục Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
93.	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư		
94.	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư		
95.	Thủ tục Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
96.	Thủ tục Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)		
97.	Thủ tục Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh		
98.	Thủ tục Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện		

	điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ		
99.	Thủ tục Chuyển nhượng dự án		
100.	Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế		
101.	Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài		
102.	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
103.	Thủ tục Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
104.	Thủ tục Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
105.	Thủ tục Giãn tiến độ đầu tư		
106.	Thủ tục Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư		
107.	Thủ tục Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư		
108.	Thủ tục Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC		
109.	Thủ tục Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC		
110.	Thủ tục Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương.		
111.	Thủ tục Cung cấp thông tin về dự án đầu tư		
112.	Thủ tục Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư		
113.	Thủ tục góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài		
	<b>Mục 2. Cơ quan khác</b>		

114.	Thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư	Cơ quan thuế, cơ quan tài chính, cơ quan hải quan, cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng ưu đãi về đất đai và ưu đãi khác theo quy định của pháp luật cấp tỉnh	
115.	Thủ tục cung cấp thông tin về dự án đầu tư	Cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch, tài nguyên và môi trường và các cơ quan quản lý nhà nước khác	
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi của các nhà tài trợ</b>		
116.	Thủ tục Xác nhận chuyên gia		
117.	Thủ tục lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm		
118.	Thủ tục lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện Chương trình, dự án sử dụng vốn		

	ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng		
119.	Thủ tục lập, thẩm định, quyết định đầu tư phi dự án		
120.	Thủ tục lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi		
121.	Thủ tục lập, thẩm định, quyết định đầu tư Chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản		
122.	Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản		
123.	Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư Chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản		
124.	Thủ tục đề xuất và lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ		
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực tiếp nhận nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài (PCPNN)</b>		
125.	Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phi dự án		
126.	Tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)		
127.	Tiếp nhận dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)		
128.	Tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)		
<b>VI</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC ĐẦU THẦU CẤP TỈNH</b>		
	<b>Mục 1. Lĩnh vực đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư</b>		
129.	Thủ tục giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	- UBND tỉnh	

130.	Thủ tục giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	- Sở Kế hoạch và Đầu tư		
<b>Mục 2. Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)</b>				
131.	Thủ tục thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của nhà đầu tư	- UBND tỉnh		
132.	Thủ tục thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, B, quan trọng quốc gia của nhà đầu tư	- Sở Kế hoạch và Đầu tư		
133.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư			
134.	Thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư			
135.	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư			
<b>Mục 3. Đấu thầu lựa chọn nhà thầu</b>				
136.	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu			
137.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư			
<b>VII LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN</b>				
138.	Thủ tục cấp Quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	- UBND tỉnh - Sở Kế hoạch và Đầu tư		
139.	Thủ tục nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư, gói thầu đối với dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Khoa học và Công nghệ		
140.	Thủ tục nghiệm thu dự án hoàn thành đối với dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ			

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

TT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ	
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh</b>	Phòng chính - Tài hoạch - Kế huyện cấp		
1.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh			
2.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh			
3.	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh			
4.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh			
5.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh			
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã</b>			
6.	Đăng ký hợp tác xã			
7.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã			
8.	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã			
9.	Đăng ký khi hợp tác xã chia			
10.	Đăng ký khi hợp tác xã tách			
11.	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất			

12.	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập		
13.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất hoặc bị hỏng)		
14.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (khi bị mất hoặc bị hỏng)		
15.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)		
16.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)		
17.	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)		
18.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã		
19.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã		
20.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã		
21.	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã		
22.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã		
23.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)		
24.	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã		
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư</b>		



1.	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	- Bên mời thầu - UBND cấp huyện	
2.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư		
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà thầu</b>		
3.	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu		
4.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư		

**C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

<b>TT</b>	<b>TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>CƠ QUAN THỰC HIỆN</b>	<b>GHI CHÚ</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư</b>		
1.	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	- Bên mời thầu - UBND cấp xã	
2.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư		
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà thầu</b>		
1.	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu		
2.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư		

**PHỤ LỤC II:****DANH MỤC BÃI BỎ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI,  
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

(Kèm theo Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 07/12/2017  
của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)

**I. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư (đã công bố tại Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)**

**1. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

<b>TT</b>	<b>TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>Chi chú</b>
<b>I.1</b>	<b>Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp</b>	
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân	
2	Đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với công ty TNHH một thành viên	
3	Đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên	
4	Đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với công ty cổ phần	
5	Đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với công ty hợp danh	
6	Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
6.1	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp	
6.2	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp	
6.3	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	
6.4	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	

6.5	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp	
6.6	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	
6.7	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
6.8	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	
6.9	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác	
7	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
7.1	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh	
7.2	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	
7.3	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	
7.4	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	
7.5	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	
8	Báo cáo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
9	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
10	Thông báo mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
11	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh	
11.1	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	

11.2	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
11.3	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
11.4	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
12	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	
12.1	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
12.2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
12.3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
13	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	
14	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	
15	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	
16	Bán doanh nghiệp tư nhân	
17	Chia doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần)	
17.1	Thành lập mới công ty được chia là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
17.2	Thành lập mới công ty được chia là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	
17.3	Thành lập mới công ty được chia là công ty cổ phần	

18	Tách doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần)	
18.1	Thành lập mới công ty được tách là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
18.2	Thành lập mới công ty được tách là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	
18.3	Thành lập mới công ty được tách là công ty cổ phần	
18.4	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của công ty bị tách	
19	Hợp nhất doanh nghiệp	
19.1	Thành lập mới công ty hợp nhất là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
19.2	Thành lập mới công ty hợp nhất là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	
19.3	Thành lập mới công ty hợp nhất là công ty cổ phần	
20	Sáp nhập doanh nghiệp	
20.1	Đăng ký thay đổi công ty nhận sáp nhập là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
20.2	Đăng ký thay đổi công ty nhận sáp nhập là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	
20.3	Đăng ký thay đổi công ty nhận sáp nhập là công ty cổ phần	
21	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	
22	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
23	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	
24	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	
25	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	
26	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	
27	Giải thể doanh nghiệp	
28	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo	

	quyết định của Tòa án	
29	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	
30	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	
31	Hiệu đính, cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	
31.1	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	
31.2	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	
<b>I.2</b>	<b>Lĩnh vực thành lập và hoạt động đối với Liên hiệp hợp tác xã</b>	
32	Thủ tục đăng ký liên hiệp hợp tác xã	
33	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
34	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã	
35	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	
36	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	
37	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	
38	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	
39	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất hoặc bị hỏng)	
40	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất hoặc bị hỏng)	
41	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	
42	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	
43	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	

44	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
45	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	
46	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	
47	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
48	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
49	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã)	
50	Thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã	
<b>I.3</b>	<b>Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội</b>	
51	Thông báo cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	
52	Thông báo thay đổi nội dung cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	
53	Thông báo chấm dứt cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	
54	Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ	
55	Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ	
56	Thủ tục cung cấp thông tin, bản sao Báo cáo đánh giá tác động xã hội và Văn bản tiếp nhận viện trợ, tài trợ.	
57	Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành Doanh nghiệp xã hội	
<b>I.4</b>	<b>Lĩnh vực đầu tư tại tỉnh Hải Dương (Ngoài khu công nghiệp)</b>	
58	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	

59	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
60	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
61	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
62	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
63	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	
64	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	
65	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
66	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	
67	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
68	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	
69	Chuyển nhượng dự án đầu tư	
70	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	
71	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	
72	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
73	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	



74	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
75	Giãn tiến độ đầu tư	
76	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	
77	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	
78	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	
79	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	
80	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	
81	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	
82	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	
83	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	
84	Áp dụng ưu đãi đầu tư	
<b>1.5</b>	<b>Lĩnh vực đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)</b>	
85	Lựa chọn sơ bộ dự án PPP	
86	Thẩm định trình phê duyệt đề xuất dự án nhóm A,B,C	
87	Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án	
88	Phê duyệt chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án	
89	Công bố dự án	
90	Chuyển đổi hình thức đầu tư đối với các dự án đầu tư bằng vốn đầu tư công	
91	Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của Nhà đầu tư	
92	Thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi	

93	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
94	Điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư	
95	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
<b>I.6</b>	<b>Lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn</b>	
96	Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	
<b>I.7</b>	<b>Lĩnh vực đấu thầu</b>	
*	<b>Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu:</b>	
97	Thủ tục lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ	
98	Thủ tục Đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	
99	Thủ tục Lựa chọn nhà thầu qua mạng	
100	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
101	Thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	
102	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp	
103	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hoá	
104	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	
105	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hoá	
106	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	

107	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	
108	Thủ tục phê duyệt Danh sách ngắn	
109	Thủ tục cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu	
110	Thủ tục phát hành HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC	
111	Thủ tục làm rõ HSMT, HSYC	
112	Thủ tục sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	
113	Thủ tục làm rõ hồ sơ dự thầu	
114	Thủ tục làm rõ hồ sơ dự thầu	
115	Thủ tục Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn	
116	Thủ tục giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu	
117	Thủ tục Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	
*	<b>Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư:</b>	
118	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	
119	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn Nhà đầu tư	
120	Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	
121	Làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	
122	Sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	
123	Làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong lựa chọn nhà đầu tư	
124	Mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	
125	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn Nhà đầu tư	
126	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn Nhà đầu tư	

127	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn Nhà đầu tư	
128	Mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn Nhà đầu tư	
129	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn Nhà đầu tư	
130	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư	
131	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	
132	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	

## 2. Thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện, thị xã, thành phố

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
<b>II.1</b>	<b>Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh</b>	
1.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	
2.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	
3.	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	
4.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	
5.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	
<b>II.2</b>	<b>Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã</b>	
6.	Đăng ký hợp tác xã	
7.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	
8.	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	
9.	Đăng ký khi hợp tác xã chia	

10.	Đăng ký khi hợp tác xã tách	
11.	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	
12.	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	
13.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất hoặc bị hỏng)	
14.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (khi bị mất hoặc bị hỏng)	
15.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	
16.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	
17.	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	
18.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	
19.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	
20.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	
21.	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	
22.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	
23.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	
24.	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	
<b>II.3</b>	<b>Lĩnh vực đấu thầu</b>	
25.	Thủ tục lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ	
26.	Thủ tục Đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	
27.	Thủ tục Lựa chọn nhà thầu qua mạng	

28.	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
29.	Thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	
30.	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp	
31.	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hoá	
32.	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	
33.	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hoá	
34.	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	
35.	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	
36.	Thủ tục phê duyệt Danh sách ngắn	
37.	Thủ tục cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu	
38.	Thủ tục phát hành HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC	
39.	Thủ tục làm rõ HSMT, HSYC	
40.	Thủ tục sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	
41.	Thủ tục làm rõ hồ sơ dự thầu	
42.	Thủ tục Mở thầu	
43.	Thủ tục Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn	
44.	Thủ tục giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu	
45.	Thủ tục Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	

### 3. Thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, phường, thị trấn

TT	Tên thủ tục hành chính	
1.	Thủ tục lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ	
2.	Thủ tục Đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	
3.	Thủ tục Lựa chọn nhà thầu qua mạng	
4.	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
5.	Thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	
6.	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp	
7.	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hoá	
8.	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	
9.	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hoá	
10.	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	
11.	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	
12.	Thủ tục phê duyệt Danh sách ngắn	
13.	Thủ tục cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu	
14.	Thủ tục phát hành HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC	
15.	Thủ tục làm rõ HSMT, HSYC	
16.	Thủ tục sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	

17.	Thủ tục làm rõ hồ sơ dự thầu	
18.	Thủ tục Mở thầu	
19.	Thủ tục Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn	
20.	Thủ tục giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu	
21.	Thủ tục Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	

**II. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư (Đã công bố tại Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương).**

TT	Tên thủ tục hành chính	Chi chú
<b>A</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC ĐẦU THẦU CẤP TỈNH</b>	
1.	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	
2.	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	
3.	Phát hành hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	
4.	Làm rõ hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	
5.	Sửa đổi hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	
6.	Làm rõ hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	
7.	Mở thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	
8.	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	
9.	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu rộng rãi và chào hàng cạnh tranh qua mạng	
10.	Phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	



11.	Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	
12.	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	
13.	Làm rõ hồ sơ dự thầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	
14.	Mở thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	
<b>B</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC ĐẤU THẦU CẤP HUYỆN</b>	
1.	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	
2.	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	
3.	Phát hành hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	
4.	Làm rõ hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	
5.	Sửa đổi hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	
6.	Làm rõ hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	
7.	Mở thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	
8.	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	
9.	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu rộng rãi và chào hàng cạnh tranh qua mạng	
10.	Phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	
11.	Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	
12.	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	
13.	Làm rõ hồ sơ dự thầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	
14.	Mở thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	
<b>C</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC ĐẤU THẦU CẤP XÃ</b>	

1.	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	
2.	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	
3.	Phát hành hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	
4.	Làm rõ hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	
5.	Sửa đổi hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	
6.	Làm rõ hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	
7.	Mở thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	
8.	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	
9.	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu rộng rãi và chào hàng cạnh tranh qua mạng	
10.	Phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	
11.	Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	
12.	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	
13.	Làm rõ hồ sơ dự thầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	
14.	Mở thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	
	<b>MỤC 2: LĨNH VỰC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ</b>	
<b>A</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ CẤP TỈNH</b>	
1.	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	
2.	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	
3.	Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự	

	án theo hình thức đối tác công tư	
4.	Làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	
5.	Sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	
6.	Làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	
7.	Mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	
8.	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	
9.	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	
10.	Mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	
11.	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	
<b>B</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ CẤP HUYỆN</b>	
1.	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	
2.	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	
3.	Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	
4.	Làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	

5.	Sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	
6.	Làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	
7.	Mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	
8.	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	
9.	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	
10.	Mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	
11.	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	